

QUỸ ETF MAFM VNDIAMOND
MAFM VNDIAMOND ETF

Số/No: 723/2026/CV-MAFM

CÔNG BỐ THÔNG TIN
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2026
Hanoi, day 25 month 05 year 2026

ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING

Kính gửi/ To: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)/ Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam/ Shinhan Bank Vietnam Limited
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: QUỸ ETF MAFM VNDIAMOND
- Mã chứng khoán/ Securities symbols: FUEMAVND
- Địa chỉ trụ sở chính/ Main office address: Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, KĐTMT Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Hà Nội/ 38F, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Plot E6, Cau Giay New Urban Area, Yen Hoa Ward, Hanoi
- Điện thoại/ Tel: 024 3564 0666 Fax: 024 3564 0555
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 22/5/2026
- Đơn vị tính lô/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100.000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ Components and weighting:

STT Order	Mã chứng khoán Securities symbol	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
I.	Chứng Khoán/ Stock		99.0%
1	ACB	4700	7.1%
2	BMP	100	0.9%
3	CTD	300	1.5%
4	CTG	900	2.1%
5	FPT	3100	15.6%
6	GMD	1600	7.9%
7	HDB	3200	5.5%
8	KDH	500	0.7%
9	MBB	4300	7.0%
10	MSB	2300	2.2%
11	MWG	2700	14.1%
12	NLG	1600	2.7%
13	OCB	600	0.4%
14	PNJ	2500	10.8%
15	REE	1200	4.2%
16	TCB	4200	8.9%
17	TPB	1200	1.2%
18	VPB	3500	6.2%
II.	Tiền/ Cash (VND)	14,931,923	1.0%
III.	Tổng Cộng/ Total		100.0%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and one lot of ETF in value:

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: 1,502,555,000 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: 1,517,486,923 VND
- + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ Spread in value: 14,931,923 VND
- + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ Plan to deal with the difference:
 - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch / Transfer the difference into the Fund's escrow account
 - Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF / With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ In case, stock can be replaced by cash, state reason:

